

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2024/DS-ST

Ngày : 20.6.2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự
mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Đức Lâm

2. Bà Lê Thị Sáu

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Vương- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa:
Không.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 254/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2024/QĐST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1977

Địa chỉ: 233 QL 1A, phường Bình C, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. ***Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn Đông L 2, xã Lộc Đ, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Bà L có mặt, bà T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/10/2023, gửi đến Tòa án ngày 09/11/2023 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà L trình bày:

Bà L không có mối quan hệ họ hàng, anh em với bà T, quen biết nhau do người khác giới thiệu. Bà T mua bán quần áo cũ, bà L muốn lấy hàng từ bà T về để bán. Sau đó hai bên có trao đổi việc mua bán qua điện thoại, tin nhắn Zalo, thống nhất như sau: Bà T bán cho bà L 01 kiện hàng loại quần đùi vải Kaki, giá là 11.800.000 đồng, bà L giao trước cho bà T số tiền 9.000.000 đồng, số tiền còn lại khi nào bà T giao hàng thì bà L trả đủ. Ngày 19/9/2023 bà L chuyển khoản số tiền

9.000.000 đồng qua tài khoản số 5492205073894 đứng tên bà T. Hai bên có thỏa thuận miệng thời hạn giao hàng là 10 ngày kể từ ngày chuyển tiền.

Tuy nhiên sau đó bà T không giao hàng cho bà L như thỏa thuận. Bà L có nhắn tin qua Zalo nhiều lần cho bà T để hỏi và yêu cầu giao hàng nhưng bà T khất lần, có nhắn tin là chưa có hàng và nếu không giao được hàng thì trả lại tiền cho bà L. Ngày 08/10/2023 bà L có gặp bà T tại thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm. Bà T viết giấy thỏa thuận là hẹn đến ngày 14/10/2023 sẽ giao hàng cho bà L, nếu đến hạn mà không giao được hàng thì bà T chuyển trả lại số tiền 9.000.000 đồng cho bà L. Tuy nhiên từ đó đến nay bà T không giao hàng, không trả lại tiền cho bà L. Nay bà L yêu cầu hủy việc mua bán tài sản như trên giữa bà L với bà T, yêu cầu bà T trả lại cho bà L số tiền 9.000.000 đồng. Về án phí yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến làm việc về nội dung khởi kiện của bà L nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 24/4/2024 nhưng không thành vì nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm không tham gia phiên tòa nên không có bài phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với bị đơn thấy rằng:

Bà Nguyễn Thị L thừa nhận không có mối quan hệ họ hàng, anh em với bà Nguyễn Thị Kim T, bà L quen biết bà T do người khác giới thiệu. Bà T mua bán quần áo cũ, bà L muốn mua hàng của bà T để bán lại. Việc trao đổi mua bán, giá cả qua tin nhắn Zalo, điện thoại.

Tại “*Đơn thỏa thuận*” viết ngày 08/10/2023 có chữ ký, chữ viết họ tên của bà Nguyễn Thị Kim T thể hiện: Bà T và bà L có thỏa thuận mua bán 01 kiện hàng do bà L đặt, loại hàng là quần soọc vải Kaki, trị giá kiện hàng là 11.800.000 đồng, bà L cọc cho bà T số tiền 9.000.000 đồng, hạn đến ngày 14/10/2023 bà T giao hàng, bà L nhận hàng và trả hết số tiền còn lại. Nếu bà T không giao được hàng thì trả lại số tiền trên cho bà L. Bà T, bà L cùng ký, ghi họ tên. Bà L trình bày giấy thỏa thuận này do bà T viết khi bà L lên gặp bà T tại Công an thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm sau thời gian thỏa thuận, chuyển tiền nhưng bà T không giao hàng.

Tại “*sao kê tài khoản*” ngày 26/10/2023 của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương- Chi Nhánh Tân Bình Dương thể hiện: Bà Nguyễn Thị L chuyển khoản số tiền 9.000.000 đồng trả tiền hàng cho bà T qua tài khoản 5492205073894 đứng tên Nguyễn Thị Kim T, ngày chuyển tiền là ngày 19/9/2023.

Như vậy việc thỏa thuận mua bán, nhận tiền như trên là có thật, theo đó bà T bán cho bà L 01 kiện hàng quần soọc vải Kaki với giá 11.800.000 đồng, bà L đã thanh toán cho bà T số tiền 9.000.000 đồng, hạn cuối cùng bà T phải giao hàng cho bà L là ngày 14/10/2023. Tuy nhiên sau đó bà T không thực hiện giao hàng và cũng không trả lại tiền như đã cam kết. Tòa án có triệu tập bà T nhiều lần nhưng bà T không đến làm việc, không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện bà T đã giao hàng, cũng như đã hoàn trả lại tiền cho bà L.

Vì vậy việc bà L khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng mua bán tài sản như trên giữa bà L và bà T và buộc bà T phải trả lại cho bà L số tiền 9.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Về án phí: Đây là vụ án dân sự có giá ngạch, do yêu cầu của nguyên đơn bà L được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Buộc bị đơn bà T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 750.000 đồng (án phí hủy hợp đồng là 300.000 đồng, án phí trên số tiền phải trả cho bà L: 9.000.000 đồng x 5%)

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 385, 413, 424, 427, 430, 434 của Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với bà Nguyễn Thị Kim T về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*”.

Hủy việc mua bán tài sản giữa bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị Kim T theo đơn thỏa thuận ngày 05/10/2023.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim T phải trả lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền 9.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu 750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006718 ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Nguyễn Thị Bích Thủy**